TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24/12/2021
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kia và bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/QĐST-DS ngày 25/11/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 346/TB-TA ngày 06/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hồ Trịnh C, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày: Chị S và anh Hồ Trịnh C qua thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 17/3/2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, anh C không chung thủy và không quan tâm đến vợ con. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân. Do vậy, chị S yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Hồ Trịnh C.

- Về con chung: Chị S và anh C có hai con chung là Hồ Trịnh Lâm P, sinh ngày 23/4/2006 và Hồ Trịnh Gia A, sinh ngày 01/10/2008. Chị S có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hồ Trịnh C mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh C. Về con chung: Xét thấy, các con hiện nay đang do chị S trực tiếp nuôi dưỡng và các con cũng có nguyện vọng được chị S trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao các cháu Hồ Trịnh Lâm P, sinh ngày 23/4/2006 và Hồ Trịnh Gia A, sinh ngày 01/10/2008 cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị S không yêu cầu cấp dưỡng và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đề cập. Về án phí, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Hồ Trịnh C, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A. Bị đơn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Hồ Trịnh C có đủ điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị S và anh C đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C. Tổ dân phố H và UBND phường A đã có xác nhận về tình trạng mâu thuẫn của chị S và anh C. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh C không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh C.

[3] Về nuôi con chung: Chị S và anh C có hai con chung là Hồ Trịnh Lâm P, sinh ngày 23/4/2006 và Hồ Trịnh Gia A, sinh ngày 01/10/2008. Chị S có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con. Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của các con chung, hiện nay cháu P và A đang được chị S trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu P và A cũng có nguyện vọng được chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao các cháu Hồ Trịnh Lâm P và Hồ Trịnh Gia A cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị S không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Hồ Trịnh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu S.

- *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với anh Hồ Trịnh C.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Hồ Trịnh Lâm P, sinh ngày 23/4/2006 và Hồ Trịnh Gia A, sinh ngày 01/10/2008, khi cháu P và cháu A chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị S không yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0010138 ngày 16/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai, chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hồ Trịnh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (24/12/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông